

Bản án số: 98/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Bùi Mạnh Quyền;

Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Văn Duy và bà Lê Thị Huyền;

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Anh, Thư ký viên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên tham gia phiên toà:
Bà Lê Thị Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12/6/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 201/2026/TLST-HNGĐ ngày 06/4/2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2026, Quyết định hoãn phiên toà số 52/2026/QĐST-HNGĐ ngày 04/6/2026 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1998; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

2. **Bị đơn:** Anh Nguyễn Công Tuấn A, sinh năm 1995; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 05/6/2018; (vắng mặt)

Nơi đăng ký HKTT: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên;

Chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

Đại diện theo pháp luật của cháu Linh: Chị Lê Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công Tuấn A là bố mẹ đẻ của cháu.

4. **Người làm chứng:**

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

+ Bà Hoàng Thị Thu H, sinh năm 1974; (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn chị Lê Thị Ngọc Y trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Công Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã P nay là UBND xã Đ vào ngày 12/7/2017 theo quy định của pháp luật, không bị ai ngăn cản hay bắt ép và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau khi kết hôn, chị và anh Tuấn A về chung sống cùng bố mẹ chồng tại thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Quá trình chung sống, thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường đến khoảng tháng 7/2023 vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bản thân anh Tuấn A không chịu đi làm, để một mình chị xoay sở đi làm kiếm tiền nuôi con, chi tiêu sinh hoạt gia đình, còn anh Tuấn A ở nhà chơi bời, cờ bạc, tiêu tốn vào kinh tế gia đình khiến kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, anh Tuấn A thường xuyên tụ tập bạn bè, đi uống rượu, về nhà gây sự, chửi bới, nói những lời xúc phạm chị khiến chị mệt mỏi khi chung sống cùng anh Tuấn A. Cũng khoảng đầu tháng 7/2023, do mệt mỏi khi chung sống cùng anh Tuấn A nên chị cùng con chị dọn về nhà bố mẹ đẻ chị tại thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên sinh sống, vợ chồng chị quyết định sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn liên lạc hay có trách nhiệm gì với nhau. Nay chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Tuấn A, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A.

- Về con chung: Chị và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 05/6/2018. Ly hôn, chị có nguyện vọng xin được nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Tuấn A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: Chị và anh Tuấn A không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Công Tuấn A nhưng anh Tuấn A đều không đến Tòa án làm việc. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai của anh Tuấn A về vấn đề quan hệ hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cháu Nguyễn Lê Tuệ L trình bày: Quá trình cháu sống chung với bố mẹ cháu, cháu thấy tình cảm bố mẹ cháu bình thường được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn, bố mẹ cháu xảy ra mâu thuẫn khoảng thời gian nào thì cháu không nhớ, cháu thấy bố mẹ cháu thường xuyên cãi nhau nguyên nhân do đâu dẫn đến bố mẹ cháu cãi nhau cháu cũng không rõ. Khoảng giữa năm 2023 trở lại đây, bố mẹ cháu không ở cùng nhau, cháu cùng mẹ cháu chuyển về nhà ông bà ngoại tại thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên sinh sống. Nay mẹ cháu có đơn xin ly hôn bố cháu, cháu xác định đây là việc riêng của bố mẹ cháu nên cháu không có ý kiến gì. Trường hợp bố mẹ cháu ly hôn nhau, thì cháu có nguyện vọng xin được ở với mẹ cháu, còn việc cấp dưỡng nuôi cháu do bố mẹ cháu quyết định, cháu không có yêu cầu đề nghị gì về việc cấp dưỡng nuôi cháu. Việc cháu lựa chọn ở với mẹ cháu là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai bắt ép, xúi giục cháu. Cháu L đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt cháu theo quy định pháp luật.

Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị L (mẹ đẻ của chị Y) và bà Hoàng Thị Thu H (mẹ đẻ của anh Tuấn A) trình bày: Vợ chồng chị Y, anh Tuấn A có đăng ký kết hôn tại UBND xã Pnay là UBND xã Đ theo quy định của pháp luật. Quá trình vợ chồng chị Y, anh Tuấn A chung sống, tình cảm vợ chồng hai anh chị bình thường, đến khoảng năm 2023 thì vợ chồng anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo bà L trình bày: do kinh tế vợ chồng không có sự bàn bạc, thống nhất, bản thân anh Tuấn A không chịu tu chí làm ăn, ham chơi, không quan tâm, chia sẻ hay có trách nhiệm với vợ con mà để mặc mình chị Y đi làm kiếm tiền chi tiêu gia đình và chăm sóc con cái khiến kinh tế gặp nhiều khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau. Gia đình hai bên cũng đã ngồi lại bảo ban anh Tuấn A, anh Tuấn A cũng hứa sẽ thay đổi nhưng vẫn không chịu thay đổi tính cách, vẫn giữ thói quen lười làm dẫn đến chị Y dần dần mất niềm tin vào anh Tuấn A, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Còn theo bà Hương trình bày: quá trình chung sống, vợ chồng anh chị không mấy hòa thuận, thường xuyên cãi nhau vụn vặt nhưng không lớn cho đến khoảng giữa năm 2023, vợ chồng anh chị cãi nhau đỉnh điểm, nguyên nhân do tính cách vợ chồng chị Y, anh Tuấn A không hợp nhau, vợ chồng sống không biết nhường nhịn nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cách nuôi dạy con cũng như sinh hoạt cuộc sống hằng ngày dẫn đến vợ chồng thường xảy ra cãi nhau. Ngoài ra, kinh tế vợ chồng không có sự bàn bạc thống nhất, kinh tế của ai làm ra, tự quản lý, tự chi tiêu khiến kinh tế vợ chồng gặp nhiều khó khăn, lâu dần tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Hai bà đều xác định, cũng khoảng tháng 7/2023, vợ chồng chị Y, anh Tuấn A sống ly thân nhau, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau. Trong suốt thời gian vợ chồng sống ly thân nhau, anh Tuấn A không tìm chị Y và chị Y không quay về chung sống cùng anh Tuấn A nữa. Nay chị Y có đơn xin ly hôn anh Tuấn A, quan điểm của bà Hương, bà L đều xác định đây là việc riêng của vợ chồng anh chị, để vợ chồng anh chị tự quyết định, gia đình bà L, bà Hương không có ý kiến gì, đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật xem xét, giải quyết. Bà L và bà H đều xác định, chị Y và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 05/6/2018. Hiện tại, cháu đang ở với chị Y. Bà L có quan điểm, trường hợp cháu L ở với chị Y, gia đình bà sẽ tạo điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở cho mẹ con chị Y sớm ổn định cuộc sống. Gia đình bà L, gia đình bà H đều xác định, vợ chồng chị Y, anh Tuấn A không có tài sản chung, gia đình bà L, bà H không liên quan đến vấn đề tài sản giữa vợ chồng chị Y, anh Tuấn A nên gia đình hai bà không có yêu cầu, đề nghị gì. Bà L, bà H đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt hai bà theo quy định pháp luật.

UBND xã Đ cung cấp thông tin: Chị Lê Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công Tuấn A tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Pnay là UBND xã Đ vào ngày 12/7/2017 theo đúng quy định pháp luật. Chị Y và anh Tuấn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 05/6/2018. Địa phương chưa khi nào nhận được đơn đề nghị giải quyết mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Y, anh Tuấn A, cũng như đơn đề nghị giải quyết tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên địa phương không nắm được giữa chị Y, anh Tuấn A mâu thuẫn về vấn đề gì, có tài sản chung, nợ chung hay không thì địa phương không nắm được.

Công an xã Đ cung cấp thông tin: Anh Nguyễn Công Tuấn A có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, không có thông tin anh Tuấn A

chuyển khẩu đi nơi khác hay tạm trú ở một nơi khác. Hiện nay, anh Tuấn A đang ở cùng gia đình, anh Tuấn A không thuộc diện phải khai báo tạm vắng nên anh Tuấn A đi đâu, làm gì thì địa phương không nắm được.

Tại phiên tòa: Các đương sự đều vắng mặt, nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không lý do.

Đại diện VKSND khu vực 1 - Hưng Yên phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Tuấn A không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, vắng mặt lần thứ hai không lý do nên đề nghị HĐXX căn cứ vào Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

- Về đường lối giải quyết: Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Y, xử cho chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Công Tuấn A. Chấp nhận theo nguyện vọng của cháu Tuệ L cũng như nguyện vọng của chị Y, giao cháu Tuệ L cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tuệ L đủ 18 tuổi. Nguyên đơn chị Y không yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp, ruộng canh tác chung: Nguyên đơn chị Y xác định, vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức đóng góp, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu nên không đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng giải quyết vụ án:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Công Tuấn A có hộ khẩu thường trú và nơi cư trú tại thôn P, xã Đ, tỉnh Hưng Yên. Chị Y có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Tuấn A, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Hưng Yên thụ lý vụ án, giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng đều đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do mặc dù đã được Tòa án tiến hành triệu tập, gửi các văn bản tố tụng cho anh Tuấn A theo đúng quy định, anh Tuấn A có mặt tại địa phương nhưng không đến Tòa án làm việc, cho thấy anh Tuấn A không thực hiện

đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành giải quyết, xét xử vụ án theo thủ tục chung vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công Tuấn A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND xã P nay là UBND xã Đ vào ngày 12/7/2017 theo quy định pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Tuấn A là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng chị Y và anh Tuấn A bình thường, đến khoảng tháng 7/2023, vợ chồng anh chị nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và bất đồng quan điểm trong làm ăn kinh tế, vợ chồng không có sự bàn bạc, kinh tế không có sự tập chung. Anh Tuấn A không tu chí làm ăn, mãi chơi, hay tụ tập bạn bè chơi cờ bạc, uống rượu ảnh hưởng kinh tế gia đình nên kinh tế gia đình đã khó khăn lại càng khó khăn hơn dẫn đến vợ chồng hay xảy ra cãi nhau, anh Tuấn A còn chửi, xúc phạm khiến chị Y mệt mỏi khi chung sống cùng anh Tuấn A. Chị Y và anh Tuấn A sống ly thân từ tháng 7/2023 cho đến nay, mỗi người ở một nơi, không còn quan tâm hay liên lạc với nhau nữa. Nay chị Y xác định không còn tình cảm với anh Tuấn A, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Tuấn A. HĐXX xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh Tuấn A đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bởi lẽ, vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ và chung sống cùng nhau. Nhưng đã từ lâu, vợ chồng chị Y và anh Tuấn A sống ly thân nhau, mỗi người một nơi, không có cuộc sống chung, không còn quan tâm và không còn trách nhiệm gì với nhau, cả một thời gian dài sống ly thân, anh Tuấn A không tìm chị Y và chị Y cũng không quay về với anh Tuấn A, vợ chồng anh chị không có bất kỳ biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng mà để phớt lờ. Tòa án cũng đã tổ chức buổi hòa giải cho hai anh chị, nhưng anh Tuấn A vắng mặt không lý do, mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng, điều đó thể hiện anh Tuấn A không có thiện chí hòa giải, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Do vậy, chị Y có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Tuấn A là có cơ sở, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Y.

[3] Về con chung: Chị Lê Thị Ngọc Y và anh Nguyễn Công Tuấn A có 01 con chung là cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 05/6/2018. Ly hôn, chị Y có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu L và không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Quá trình làm việc, Tòa án hỏi quan điểm cháu L, cháu L có nguyện vọng xin được ở với chị Y. Đối với anh Tuấn A, Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng anh Tuấn A không đến Tòa án làm việc nên không hỏi được quan điểm của anh Tuấn A về vấn đề con chung. HĐXX xét thấy: Nguyên vọng xin được nuôi dưỡng con chung của chị Y là chính đáng, từ khi chị Y và anh Tuấn A sống ly thân nhau, cháu L ở ổn định với chị Y, được chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng, cho ăn học đầy đủ, chị Y đảm bảo điều kiện để nuôi dưỡng cháu L. Mặt khác, Tòa án hỏi thì cháu L bày tỏ nguyện vọng xin được ở với chị Y. Xét thấy, nguyện vọng cháu L xin được ở với chị Y là tự nguyện, không bị ép buộc, nên việc giao cháu L cho chị Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là cần thiết, phù hợp với

nguyện vọng của cháu L, chị Y và phù hợp với quy định pháp luật. Chị Y tự nguyện không yêu cầu anh Tuấn A cấp dưỡng nuôi con chung, xét đây là sự tự nguyện của chị Y nên cần được ghi nhận. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Công Tuấn A có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung: Nguyên đơn chị Y có quan điểm xác định, vợ chồng chị không có tài sản chung, không có nợ chung, không có công sức, không có ruộng canh tác chung, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. HĐXX xét thấy, đây là sự tự nguyện của chị Y không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Đối với anh Tuấn A, sau khi ly hôn nếu có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh Tuấn A và chị Y thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc Y phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ngọc Y, xử cho chị Lê Thị Ngọc Y được ly hôn với anh Nguyễn Công Tuấn A.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Tuệ L, sinh ngày 05/6/2018 cho chị Lê Thị Ngọc Y trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục từ tháng 6/2026 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Lê Thị Ngọc Y không yêu cầu anh Nguyễn Công Tuấn A phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Y. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Công Tuấn A được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, yêu cầu hạn chế quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác: Nguyên đơn chị Y không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Sau khi ly hôn, nếu anh Nguyễn Công Tuấn A có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung, công sức, ruộng canh tác chung giữa anh Tuấn A và chị Y thì sẽ xem xét, giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Ngọc Y phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Y đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: BLTU/25E/0001668, ngày 06/4/2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Hưng Yên, chị Y đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- VKSND khu vực 1 - Hưng Yên;
- Phòng THADS khu vực 1 - Hưng Yên;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Mạnh Quyền